

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY
(Đối với phần thi video)

Họ và tên người dạy: ... Năm sinh:.....
Trường Tiểu họcXã/Phường/Đặc khu.....
Tên bài dạy: Lớp: Môn:

Lĩnh vực	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Xác định mục tiêu và đảm bảo nội dung bài dạy (5 điểm)	1.1. Xác định được mục tiêu cần đạt về năng lực, phẩm chất và nội dung cơ bản, trọng tâm của bài học.	1	
	1.2. Đảm bảo kiến thức chính xác, có hệ thống,	1	
	1.3. Tích hợp được các nội dung giáo dục toàn diện; cập nhật được những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của Học sinh (HS).	1	
	1.4. Nội dung dạy học phù hợp tâm lý lứa tuổi, phù hợp với khả năng học tập của mọi đối tượng HS, kể cả HS khuyết tật (nếu có).	1	
	1.5. Khai thác nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực học tập của HS.	1	
2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học (6 điểm)	2.1. Chuẩn bị và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học (khuyến khích sử dụng ĐDDH tự làm, khai thác học liệu điện tử) phù hợp với nội dung, đúng mục đích, có hiệu quả.	1	
	2.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với đặc trưng môn học; phù hợp đối tượng HS; phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS; thúc đẩy HS tích cực phát biểu, trao đổi bộc lộ các ý kiến, quan điểm cá nhân...	1,5	
	2.3. Bao quát được lớp học, quan sát, theo dõi cách làm việc của cá nhân/nhóm; kịp thời hỗ trợ cá nhân/nhóm có khó khăn trong học tập; động viên để mỗi HS đều phát triển năng lực học tập; xử lý tốt các tình huống sư phạm.	1	
	2.4. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được tích hợp vào quá trình dạy học và theo hướng đổi mới (GV đánh giá HS, HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau).	0,5	
	2.5. Phân bổ thời gian hợp lý, điều chỉnh kế hoạch và hoạt động dạy học linh hoạt cho phù hợp với thực tế lớp học.	1	
	2.6. Lời nói, chữ viết, tác phong sư phạm chuẩn	1	

Lĩnh vực	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	mục; gần gũi, ân cần, thân thiện với HS; tôn trọng và đối xử công bằng với HS.		
3. Hoạt động học tập của học sinh (5 điểm)	3.1. Học sinh được chủ động tham gia các hoạt động học tập; mạnh dạn, tự tin, tự giác và sáng tạo trong học tập.	1	
	3.2. HS có các kỹ năng học tập tốt (tự học, xử lý thông tin, giao tiếp, tương tác trong giờ học.)	1	
	3.3. Học sinh được tích cực hóa hoạt động tư duy; được hướng dẫn và kích thích khả năng tự học	1	
	3.4. Học sinh được tham gia vào việc đánh giá và tự đánh giá; nhận biết và sửa chữa những sai sót khi học bài.	1	
	3.5. Học sinh được tham gia nhiều hoạt động thực hành, trải nghiệm.	1	
4. Hiệu quả của tiết dạy (3 điểm)	4.1. Học sinh đạt được yêu cầu cơ bản về năng lực, phẩm chất đáp ứng mục tiêu bài học; biết vận dụng vào các bài luyện tập, thực hành sau tiết học; có khả năng áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Kiến thức của HS gắn liền với cộng đồng, địa phương.	2	
	4.2. Học sinh tự tin, tích cực trong học tập; có tình cảm và thái độ đúng.	1	
5. Chất lượng video (1 điểm)	5.1. Hình ảnh sắc nét và âm thanh rõ ràng; 5.2. Bao quát được toàn bộ hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh. 5.3. Đảm bảo tính sư phạm, không vi phạm các quy định của Pháp luật.	1	
	Cộng- Xếp Loại	20	

Kết quả: Tổng điểm đạt được: Xếp loại:

Nhận xét tiết dạy (nếu có):

.....
.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 202.....

Giám khảo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Xếp loại tiết dạy:

- Loại **Giỏi**: Từ 18 điểm đến 20 điểm
- Loại **Khá**: Từ 14 điểm đến dưới 18 điểm
- Loại **Trung bình**: Từ 10 điểm đến dưới 14 điểm
- Loại **Chưa đạt**: Dưới 10 điểm